

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Nghị.
2. Bà Trần Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1976 (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1980 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm H, thôn K, xã B, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn C trình bày:

Ông và bà Lê Thị S do mai mối mà quen biết, tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 15/11/2000. Sau khi cưới ông bà sống hạnh phúc được 23 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bà S ghen tuông vô cớ, nghi ngờ ông ngoại tình với chị dâu và người khác; trong khi cãi vã, ông nóng giận có đánh bà S và bà S cũng đánh trả. Gia đình và ban thôn đã hòa giải nhưng ông không chấp nhận. Nay xét thấy không thể chung sống với bà S nữa, ông yêu cầu ly hôn bà S.

Về con chung: Ông và bà S có 03 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 19/6/2002, đã trưởng thành, có chồng sống riêng; Nguyễn Công V, sinh ngày 11/6/2004 và Nguyễn Thị H sinh ngày 20/4/2011. Khi ly hôn, con muốn sống cùng ai thì người đó nuôi, người không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản chung: Ông rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị S trình bày: Bà thông nhất như ông C trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và thời gian chung sống. Theo bà thì vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Cho đến khoảng cuối năm 2023 do bà có thấy ông C sang nhà chị dâu vào lúc đêm hôm nên có nghi ông C ngoại tình, bà có gắng hỏi, ông C mắng bà rồi đánh bà, bà quá tức giận có đánh lại ông C. Rồi sau đó thì vợ chồng vẫn ở chung nhà, ai làm việc người đó. Đối với việc nghi ngờ rồi kinh cãi này mới chỉ là lần đầu tiên, vợ chồng vẫn còn tình cảm. Bà không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ về chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có 03 con như ông C trình bày nói trên. Nếu phải ly hôn, con muốn sống cùng ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đa phần đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn có một vài vi phạm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 5, 6, 7, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Bác đơn ly hôn của ông Nguyễn C. Về con chung và tài sản chung: miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C với bà Lê Thị S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 15/11/2000 đúng theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2023 thì phát sinh xung đột. Do thấy ông C đêm hôm lại có hành động sang nhà chị dâu, bà S nghi ngờ ông C ngoại tình nên hai bên xảy ra cãi vã. Trong lúc nóng giận, ông C có đánh bà S một cái, bà S cũng đánh trả ông C một cái trúng vào trán. Sau đó, ông C

tức giận, làm đơn ly hôn. HĐXX xét thấy: Vợ chồng ông C, bà S có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đã 23 năm, không xảy ra tình trạng mâu thuẫn gì. Đối với việc nghi ngờ ngoại tình rồi cãi nhau, đánh nhau nói trên là tranh chấp nhất thời, không mang tính lâu dài, cũng không thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân vẫn đạt được. Do vậy, việc ông C yêu cầu ly hôn với bà S là không có căn cứ và không phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về con chung và tài sản chung: Vì không giải quyết ly hôn nên Tòa án không xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc ông Nguyễn C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ.

[5] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 6, 7, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Bác đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn C.

- Về con chung và tài sản chung: Không giải quyết ly hôn nên Tòa không xét.

2/ Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Ông Nguyễn C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0003475 ngày 04/01/2024 của C cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; ông C đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- C cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam